TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2020/HSST
Ngày: 29 - 4 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính

2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Vi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Thân Văn Chẻo – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2020/HSST ngày 06 tháng 3 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/HSST-QĐ ngày 16/3/2020 đối với bị cáo:

TRƯƠNG HOÀI B, sinh năm 1979 tại Lào Cai; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước ; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trương Việt H và bà Đỗ Thị Hò ; vợ Nguyễn Thị Thanh H và có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: 01 (Ngày 12/9/2018 bị Công an xã T , H , Bình Phước xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản); nhân thân: Ngày 12/9/2018 bị Công an xã T , H , Bình Phước xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản . Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2019 đến ngày 27/12/2019 được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Phạm Văn T, sinh năm 1966; Địa chỉ: tổ 5, ấp 1, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Lê Đăng T1, sinh năm 1965; bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1980; Cùng địa chỉ: ấp 3, thị trấn C , huyện Ch , tỉnh Bình Phước. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 28/6/2019 ông Lê Đăng T1 cho ông Phạm Văn T thuê một thửa đất có diện tích 2800m^2 tọa lạc tại ấp 3, thị trấn C , huyện Ch , tỉnh Bình Phước (trong đó có nhà xưởng diện tích 300m^2 , công trình phụ và hệ thống điện để sản xuất) với giá 15.000.000 đồng/tháng, thời hạn 03 năm. Sau khi ký hợp đồng ông Phạm Văn T mang đến xưởng một số máy móc gồm: 01 máy băm răm gỗ, 01 máy mài, 01 máy tu, 01 máy lạng gỗ để lắp ráp sản xuất ván lạng và băm răm gỗ. Đầu tháng 8/2019, bắt đầu hoạt động sản xuất, hoạt động được 12 ngày thì ngừng sản xuất. Đầu tháng 9/2019, ông Phạm Văn T di dời một số máy móc đi nơi khác chỉ để lại xưởng 01 máy băm răm gỗ. Sau đó, ông Lê Đăng T1 tiến hành dùng tôn rào bít kín lối ra vào xưởng phía tiếp giáp với quốc lộ 13.

Khoảng 07 giờ ngày 24/10/2019, TRƯƠNG HOÀI B điều khiển xe mô tô biển số 51S5-2691 đi từ nhà theo đường quốc lộ 13 đến thị trấn C , huyện Ch tìm bạn tên Tèo (chưa rõ nhân thân, lai lịch) để đòi nợ số tiền 300.000 đồng và đi qua Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bình Phước để uống Methadone (do B nghiện Heroin nên uống để cai nghiện). Khi đến ấp 3, thị trấn Chơn Thành thì xe mô tô của B bị hỏng nên B dẫn xe mô tô đi theo đường quốc lộ 13 về hướng ngã tư tìm chỗ sữa xe. Đi được khoảng 500m thì gặp xưởng gỗ ván lạng nói trên. Thấy xưởng không có người trông coi nên B nảy sinh ý định đột nhập vào bên trong để lấy trộm tài sản. Để thực hiện hành vi trộm cắp, B dẫn xe mô tô đến gửi tại quán cà phê " Kim Ngân" do chị Trương Thị Kim Ng , sinh năm 1988, nơi cư trú: xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang làm chủ (cách xưởng khoảng 100-200m) rồi lấy trong xe mô tô ra gồm: 01 túi nilon màu cam, 01 cờ lê cỡ 10-12 bằng kim loại màu đen, 01 cờ lê cỡ 9-9 bằng kim loại màu trắng, 01 cờ lê cỡ 10-10 bằng kim loại màu trắng, 01 dao rọc giấy dài 20cm và 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng dài 25cm để sử dụng là công cụ để trộm cắp tài sản. B chui qua lỗ thủng của hàng rào đột nhập vào bên trong xưởng, thấy mô tơ điện sơn màu xanh, loại 60HP đã bị tháo rời phần trục ra khỏi phần thân của môtơ nên B tìm cách lấy trộm số dây đồng bên trong mô tơ điện. B nhặt kìm, kéo ở gần đó cắt trộm dây đồng ở bên trong mô tơ điện, khi đang cắt trộm dây điện của mô tơ thì chị Nguyễn Thị Th (là vợ ông Lê Đăng T1) phát hiện. Sau đó, chị Th báo cho ông Ngô Văn Th là bảo vệ dân phố ấp 3, thị trấn Chơn Thành cùng anh Hồ Hoài T và anh Hà Văn Nh cùng đến bắt giữ B giao cho Công an thị trấn Chơn Thành cùng tang vật.

Tại kết luận định giá tài sản số 98/KLĐG-HĐĐGTS ngày 28/10/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định:

01 mô tơ điện màu xanh, loại 16HP, tốc độ 1450 vòng/phút trị giá 20.000.000 đồng

Toàn bộ dây đồng bên trong mô tơ điện sơn màu xanh, loại 60HP, tốc độ 1450 vòng/phút trị giá 7.000.000 đồng

Chi phí phục hồi dây đồng và những vật liệu khác để trả lại nguyên trạng mô tơ là 10.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Thu giữ 01 túi nilon màu cam, có quai xách; 01 cờ lê cỡ 10-12 bằng kim loại màu đen; 01 cờ lê cỡ 9-9 bằng kim loại màu trắng; 01 cờ lê cỡ 10-10 bằng kim loại màu trắng; 01 dao rọc giấy (đã gỉ sét) dài 20 cm, cán bằng nhựa màu xanh và 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng dài 25 cm, cán bọc nhựa màu xanh. Quá trình điều tra xác định những đồ vật trên là của TRƯƠNG HOÀI B, được sử B sử dụng làm công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp dây đồng.

- Thu giữ 33 sợi dây đồng có chiều dài không đều nhau, chiều dài trung bình bình 18 cm; 10 sợ dây đồng có chiều dài không đều nhau, chiều dài trung bình 85 cm (tổng trong lượng là 165,7 gam; 01 kéo bằng kim loại dài 23 cm cán bọc nhựa màu đen; 01 cây sắt tròn (dạng càng cua) màu nâu dài 75,5 cm. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Nguyễn Thị Th. Tuy nhiên, chị Th từ chối nhận lại số tài sản trên.

- Ngoài ra còn thu giữ: 01 môtơ điện sơn màu xanh, loại 60HP, tốc độ 1450 vòng/phút; 01 con rựa cán bằng sắt dài 65 cm, lưỡi có kích thước (30x5.5) cm; 01 cây sắt mở lốp xe ôtô dài 93 cm; 01 cây xà beng dài 58 cm, 01 búa cán sắt dài 28 cm, 01 dao cán sắt dài 34 cm; 01 đục sắt dài 25 cm; 01 con dao dài 32 cm; 01 mỏ lết; 04 cây lục giác (hình L); 05 cờ lê (chìa khoá mở ốc) cỡ 24, 13, 17, 17-19, 12-14; 01 chìa khoá điều (L) 10; 01 cây sắt mở lốp xe môtô; 17 đầu mở ốc vít; 01 tô vít lục giác (màu đỏ). Quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của chị Nguyễn Thị Th. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

- Thu giữ của TRƯƠNG HOÀI B 01 xe môtô nhãn hiệu Honda, loại Attila, biển số 51S5 – 2691, số khung VMM9BED001090, số máy VMM9BED001090: Quá trình điều tra xác định xe môtô trên là tài sản hợp pháp của bà Đỗ Thị H , sinh năm 1950 (mẹ ruột của B). Bà Hoà không biết việc B sử dụng xe môtô thuộc quyền sở hữu của mình đi trộm cắp tài sản. Do vậy, Cơ quan điều tra đã trả xe môtô nêu trên cho bà Hoà.

Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo B bồi thường số tiền 50.000.000 đồng là chi phí sửa chửa, khắc phục môtơ điện trở lại hoạt động bình thường. Bị cáo đã giao nộp số tiền 2.000.000 đồng khắc phục hậu quả.

Bản cáo trạng số 22/Ctr-VKS ngày 02/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo TRƯƠNG HOÀI B về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã

thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo TRƯƠNG HOÀI B về tội "Trộm cắp tài sản" và áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,i khoản 1 Điều 51; Điều 50, 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất hối hận và kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người bị hại ông Phạm Văn T vắng mặt. Xét thấy, bị hại vắng mặt không lý do lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 24 tháng 10 năm 2019 tại ấp 3, thị trấn C , huyện Ch , tỉnh Bình Phước, TRƯƠNG HOÀI B đã lợi dụng sơ hở không có người trông coi tài sản nên đã lén lút lấy trộm của ông Phạm Văn T cuộn dây đồng bên trong môtơ điện loại 60HP, tốc độ 1450 vòng/phút tại xưởng gỗ ván lạng của ông Lê Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Th. Kết luận định giá xác định tài sản bị chiếm đoạt có giá trị 7.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sữa đổi bổ sung năm 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác đồng thời gây mất an ninh trật tự địa

phương, vi phạm nghiêm trọng về đạo đức, lối sống. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Do đó,Cáo trạng số 22/Ctr-VKS ngày 02/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo đã giao nộp một phần khắc phục hậu quả. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xét thấy, thời gian tạm giam chưa đủ để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo cũng như phòng ngừa chung trong xã hội.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng"*. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: 01 túi nilon màu cam, có quai xách; 01 cờ lê cỡ 10-12 bằng kim loại màu đen; 01 cờ lê cỡ 9-9 bằng kim loại màu trắng; 01 cờ lê cỡ 10-10 bằng kim loại màu trắng; 01 dao rọc giấy (đã gỉ sét) dài 20 cm, cán bằng nhựa màu xanh và 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng dài 25 cm, cán bọc nhựa màu xanh. Quá trình điều tra xác định những đồ vật trên là của TRƯƠNG HOÀI B, được B sử dụng làm công cụ để thực hiện hành vi trộm cắp dây đồng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- 33 sợi dây đồng có chiều dài không đều nhau, chiều dài trung bình bình 18 cm; 10 sợ dây đồng có chiều dài không đều nhau, chiều dài trung bình 85 cm (tổng trong lượng là 165,7 gam; 01 kéo bằng kim loại dài 23 cm cán bọc nhựa màu đen; 01 cây sắt tròn (dạng càng cua) màu nâu dài 75,5 cm. Quá trình điều tra xác định đây là tài sản của chị Nguyễn Thị Th. Tuy nhiên, chị Th từ chối nhận lại số tài sản trên nên cần tịch thu tiêu hủy.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo bồi thường cho ông Lê Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Th số tiền 50.000.000 đồng vì ông Lê Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Th cho rằng ông Phạm Văn T đã bàn giao lại toàn bộ máy móc của ông Phạm Văn T cho ông Lê Đăng T1, bà Nguyễn Thị Th để cấn trừ số tiền nợ thuê xưởng, ông Phạm Văn T đã bàn giao cho ông Lê Đăng T1 thì ông Lê Đăng T1, bà Th phải chịu trách nhiệm nếu tài sản bị mất mát, thiệt hại. Tuy nhiên, việc bàn giao này chỉ là thỏa thuận miệng, không có văn bản, giấy tờ để chứng minh nên lời trình bày của ông Lê Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Th là không có cơ sở. Mặt khác, tài sản thiệt hại là của ông Phạm Văn T, cũng như việc chưa thanh toán xong khoản tiền thuê xưởng giữa ông Lê Đăng T1, bà Th và ông Phạm Văn T không liên quan đến vụ án này. Do đó, cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại chứ không phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo kết luận định giá, tài sản bị chiếm đoạt trị giá 7.000.000 đồng, chi phí phục hồi dây đồng và những vật liệu khác để trả lại nguyên trạng cho mô tơ là 10.000.000 đồng nhưng bị cáo đồng ý bồi thường số tiền 25.000.000 đồng để sữa chữa phục hồi mô tơ cho bị hại là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Ông Lê Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Th cho rằng hệ thống đường điện, máy móc tại nhà xưởng của ông Lê Đăng T1 và bà Nguyễn Thị Th bị tháo rời, hư hỏng, thiệt hại có thể là do bị cáo thực hiện nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và yêu cầu bị cáo bồi thường đối với những thiệt hại này. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra chưa có căn cứ cho rằng việc thiệt hại trên là do bị cáo thực hiện nên Cơ quan tiến hành tố tụng đã hướng dẫn ông Tuấn, bà Thỏa trình báo lên cơ quan có thẩm quyền và sẽ tiến hành xác minh, xử lý khi có căn cứ.

[6] Án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1Điều 51; Điều 50,38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo TRƯƠNG HOÀI B phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo TRƯƠNG HOÀI B 06 (Sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/10/2019 đến ngày 27/12/2019.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi nilon màu cam, có quai xách; 01 cờ lê cỡ 10-12 bằng kim loại màu đen; 01 cờ lê cỡ 9-9 bằng kim loại màu trắng; 01 cờ lê cỡ 10-10 bằng kim loại màu trắng; 01 dao rọc giấy (đã gỉ sét) dài 20 cm, cán bằng nhựa màu

xanh và 01 mỏ lết bằng kim loại màu trắng dài 25 cm, cán bọc nhựa màu xanh; 33 sợi dây đồng có chiều dài không đều nhau, chiều dài trung bình bình 18 cm; 10 sợ dây đồng có chiều dài không đều nhau, chiều dài trung bình 85 cm (tổng trong lượng là 165,7 gam; 01 kéo bằng kim loại dài 23 cm cán bọc nhựa màu đen; 01 cây sắt tròn (dạng càng cua) màu nâu dài 75,5 cm. Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000đồng của bị cáo B đã nộp để đảm bảo thi hành án.

4.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Phạm Văn T số tiền 25.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng)

Án phí dân sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.